



THỰC TRẠNG NĂNG LỰC ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT

Nguyễn Thế Dân

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

Ngày nhận: 16/06/2016

Ngày sửa chữa: 12/08/2016

Ngày xét duyệt: 05/09/2016

Tóm tắt:

Trong hệ thống giáo dục quốc dân, các trường đại học sư phạm kỹ thuật (ĐHSPKT) đang phát triển mạnh theo xu thế hội nhập quốc tế, hầu hết các trường đều chú trọng đến đội ngũ giảng viên (ĐNGV) vì giảng viên (GV) có vai trò quyết định đảm bảo chất lượng đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật đáp ứng nhu cầu xã hội. Bài viết phản ánh thực trạng năng lực ĐNGV các trường ĐHSPKT hiện nay, từ đó đề xuất một số khuyến nghị để phát triển năng lực này.

Từ khóa: Năng lực, Đội ngũ giảng viên; đại học sư phạm kỹ thuật.

1. Đặt vấn đề

Năng lực ĐNGV có vai trò quan trọng đảm bảo chất lượng đào tạo nguồn nhân lực của các trường ĐHSPKT. Nghiên cứu về năng lực ĐNGV có các công trình tiêu biểu như: A.V.Petrovski coi năng lực là một thành tố cấu tạo nên nhân cách; năng lực sư phạm (NLSP) là một tổ hợp các thuộc tính tâm lý của nhân cách. Sự phát triển các NLSP gắn liền với nắm các kỹ năng, kỹ xảo sư phạm; Theo F.N.Gonobolin: Năng lực nghề nghiệp của cá nhân là điều kiện, phương tiện để thực hiện hóa xu hướng nghề nghiệp; Tác giả Đặng Quốc Bảo, Đỗ Quốc Anh, Đinh Thị Kim Thoa đề cập đến phẩm chất, năng lực người thầy, nghề thầy trong bối cảnh phát triển mới; con đường để người thầy tự tìm hiểu nâng cao phẩm chất năng lực đáp ứng yêu cầu của nhà giáo trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế [1]; Hội nghị quốc tế về giáo dục đại học thế kỷ XXI “Tâm nhìn và hành động” (1998) đã nêu lên những năng lực cần có của một GV đại học mẫu mực [2]; Tác giả Phạm Minh Hạc cho rằng: NLSP là năng lực chung, bao gồm các thành tố cơ bản là những năng lực riêng được chia thành các nhóm [3]. Theo tác giả Trần Bá Hoàn: Năng lực người giáo viên là khả năng thực hiện các hoạt động dạy học/giáo dục với chất lượng cao [4]; Công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Đức Trí về tiếp cận đào tạo nghề dựa trên năng lực thực hiện và việc xây dựng tiêu chuẩn nghề được coi là công trình nghiên cứu lý luận điển hình, toàn diện và cụ thể về phương pháp đào tạo nghề theo năng lực;

Tóm lại, các công trình nghiên cứu ngoài nước và trong nước về phát triển ĐNGV đều khẳng định tầm quan trọng của ĐNGV, đề xuất được một số giải pháp bồi dưỡng NLSP kỹ thuật cho ĐNGV, Tuy nhiên chưa có nghiên cứu cụ thể nào về thực

trạng năng lực ĐNGV các trường ĐHSPKT.

Bài viết này là kết quả của 1 nghiên cứu khảo sát và đánh giá thực trạng năng lực của ĐNGV các trường ĐHSPKT do chính tác giả thực hiện. Đối tượng khảo sát tại 5 trường ĐHSPKT gồm: 307 SV và 242 cán bộ quản lý (CBQL), GV; Nội dung điều tra, khảo sát: Đánh giá thực trạng năng lực của ĐNGV theo các nhóm năng lực: Năng lực dạy học (năng lực chuyên môn, NLSP), năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực phát triển và thực hiện chương trình đào tạo, năng lực quan hệ với doanh nghiệp, năng lực phát triển nghề nghiệp; Công cụ điều tra, khảo sát: Thông qua phiếu thu thập ý kiến về thực trạng ĐNGV dành cho CBQL, GV các trường ĐHSPKT (Phụ lục 1); phiếu thu thập ý kiến dành cho SV các trường ĐHSPKT (Phụ lục 4). Nhằm hỗ trợ, bổ sung thông tin về thực trạng năng lực của ĐNGV, chúng tôi đã thiết kế phiếu và tiến hành phỏng vấn 20 CBQL và 30 GV của 5 trường ĐHSPKT thuộc địa bàn khảo sát; Cách tiến hành khảo sát: (-) Hướng dẫn CBQL, GV, SV điền phiếu khảo sát, sau đó họ sẽ tự hoàn thành trả lời phiếu. (-) Phỏng vấn sâu đối với các CBQL và GV các trường nhằm hỗ trợ cho phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.

2. Kết quả khảo sát về năng lực đội ngũ giảng viên các trường đại học sư phạm kỹ thuật

2.1. Năng lực dạy học

a) Năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên

Bảng 2.1. Tỷ lệ ý kiến đánh giá năng lực chuyên môn của ĐNGV

TT	Năng lực chuyên môn	Các biểu hiện (%)					Điểm TB (M)	Thứ bậc
		Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu		
1	Kiến thức chuyên môn sâu rộng, chính xác, khoa học	42,1	53,3	3,7	0,8	0	4,37	1
2	Khả năng cập nhật kiến thức chuyên môn và thông tin, kỹ thuật	31,0	61,2	7,8	0	0	4,23	2
3	Hiểu biết thực tiễn và khả năng liên hệ, vận dụng vào hoạt động dạy học, NCKH	26,0	57,9	14,9	1,2	0	4,09	4
4	Vận dụng kiến thức chuyên môn vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn nghề nghiệp	13,6	61,2	23,1	1,7	0,4	3,86	5
5	Sử dụng thành thạo các kỹ năng của lĩnh vực chuyên môn và thường xuyên cập nhật các kỹ năng nghề nghiệp mới.	30,6	54,5	14,5	0,4	0	4,15	3
6	Khả năng tiếp cận với thực tế sản xuất, tiếp cận công nghệ sản xuất mới để đưa vào bài giảng, lập kế hoạch, tổ chức sản xuất	14,0	51,2	30,6	3,7	0,4	3,75	6
7	Tổ chức các quá trình công nghệ, tổ chức sản xuất, quản lý kỹ thuật công nghệ	6,2	58,3	31,0	4,5	0	3,66	7
8	Giải quyết các vấn đề phát sinh trong sản xuất, nghiên cứu vận dụng các kỹ thuật công nghệ mới	8,3	50,8	35,1	5,8	0	3,62	8

(Nguồn các trường đại học sư phạm kỹ thuật năm 2015)

Số liệu bảng trên cho thấy, các mặt chủ yếu của năng lực chuyên môn được giảng viên tự đánh giá đều nằm ở mức độ từ khá trở lên (từ 3,62 đ đến 4,37 đ), trong đó các tiêu chí về kiến thức chuyên môn được đánh giá ở mức cao hơn cả, với tiêu chí “Kiến thức chuyên môn sâu rộng, chính xác, khoa học” của ĐNGV được đánh giá cao nhất (4,37 đ), tiếp theo là tiêu chí “Khả năng cập nhật kiến thức chuyên môn và thông tin, kỹ thuật” (4,23 đ), “Hiểu biết thực tiễn và khả năng liên hệ, vận dụng vào hoạt động dạy học, NCKH” (4,09 đ). Tiếp theo là các tiêu chí về năng lực thực hành nghề, trong đó tiêu chí “Sử dụng thành thạo các kỹ năng của lĩnh vực chuyên môn và thường xuyên cập nhật các kỹ năng nghề nghiệp mới” (4,15 đ) và “Vận dụng kiến thức chuyên môn vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn nghề nghiệp” (3,86 đ). Tuy nhiên các tiêu

chí liên quan đến năng lực tổ chức, quản lý sản xuất của ĐNGV các trường ĐHSPKT chưa được đánh giá cao (từ 3,62 đến 3,75 đ); vẫn còn một số ý kiến đánh giá các tiêu chí này ở mức độ trung bình, yếu. Đánh giá về vấn đề này, CBQL các trường ĐHSPKT đều cho rằng: ĐNGV các trường ĐHSPKT có kiến thức và kỹ năng chuyên môn khá tốt. Điểm yếu nhất trong năng lực chuyên môn của ĐNGV là khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn nghề nghiệp, khả năng tiếp cận với thực tế sản xuất, tiếp cận với công nghệ sản xuất mới để đưa vào bài giảng, khả năng tổ chức các quá trình công nghệ, quản lý kỹ thuật công nghệ và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn sản xuất. Đây cũng là vấn đề cần tập trung bồi dưỡng cho ĐNGV các trường ĐHSPKT trong thời gian tới.

b) Năng lực sư phạm của đội ngũ giảng viên

Bảng 2.2. Tỷ lệ ý kiến đánh giá năng lực sư phạm của ĐNGV

TT	Năng lực chuyên môn	Các biểu hiện (%)					Điểm TB (M)	Thứ bậc
		Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu		
1	Chuẩn bị giáo án	37,2	55,8	7,0	0	0	4,07	1
2	Sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học	16,1	65,3	16,9	1,7	0	3,96	4

3	Sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp sư phạm	21,5	54,5	23,1	0,8	0	3,97	3
4	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên	28,1	52,1	17,7	2,1	0	4,06	2
5	Tổ chức, điều khiển lớp học, xây dựng môi trường học tập thân thiện, tích cực.	19,0	53,3	24,0	3,7	0	3,88	5

Số liệu bảng trên cho thấy, các mặt chủ yếu của năng lực sư phạm của ĐNGV các trường ĐHSPKT được đánh giá ở mức khá với điểm trung bình các tiêu chí từ 3,88 đ đến 4,07 đ. Chỉ có 2 tiêu chí được đánh giá ở mức tốt với điểm trung bình trên 4đ, đó là: “Chuẩn bị giáo án” cao nhất (với 4,07 đ), tiếp đến và việc “Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên (với 4,06 đ). Điều này cho thấy nhìn chung năng lực sư phạm của ĐNGV

các trường ĐHSPKT đáp ứng được yêu cầu chung nhưng chưa được đánh giá cao.

Đánh giá của SV về các việc làm cụ thể thể hiện năng lực sư phạm của ĐNGV các trường ĐHSPKT theo thang bậc 5 mức độ. Mức 1: Thấp nhất/yếu nhất/không hiểu biết, không có khả năng, không làm; Mức 5: Cao nhất/tốt nhất (Hiểu biết tốt, thanh thạo, có khả năng làm tốt, thực hiện tốt) được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2.3. Tỷ lệ ý kiến đánh giá của SV về năng lực sư phạm của ĐNGV

TT	Các việc làm	Mức độ thực hiện(%)					Điểm TB	Thứ bậc
		1	2	3	4	5		
1	Biên soạn bài giảng, giáo trình, học liệu môn học	0,95	5,05	30,15	44,8	19,05	3,76	4
2	Tổ chức, quản lý dạy học	1,17	4,63	31,51	40,15	21,82	3,76	4
3	Sử dụng phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học	0,91	3,91	29,75	45,113	20,31	3,8	3
4	Lựa chọn, sử dụng thiết bị dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin	1,22	4,4	20,6	43,675	27,6	3,94	1
5	Đánh giá trong sư phạm	1,28	3,51	24,73	47,2	22,91	3,87	2

Bảng số liệu trên cho thấy, đánh giá của SV về các việc làm cụ thể, thể hiện năng lực sư phạm của ĐNGV cũng ở mức tương đối tốt, với điểm trung bình các tiêu chí từ 3.76 đ đến 3,94 đ. Trong đó, những kỹ năng liên quan đến việc tổ chức, quản lý lớp học; biên soạn bài giảng, giáo trình, học liệu môn học của ĐNGV chưa được đánh giá cao.

Các tiêu chí về việc lựa chọn, sử dụng thiết bị dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin được sinh viên đánh giá cao nhất. Điều này cũng dễ dàng lý giải bởi các trường ĐHSPKT đã thực hiện quản lý nhà nước về ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo, xây dựng các phần mềm: Toolteach, TestPro, Ittest, Edusoft,... Khai thác có hiệu quả Trung tâm mạng E-learning - Học liệu và

bồi dưỡng giáo viên, phục vụ giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá. Một số giảng viên có khả năng sử dụng phần mềm phục vụ giảng dạy, nghiên cứu, hướng dẫn SV làm đề tài tự thiết kế chế tạo thiết bị dạy học, làm phong phú phương tiện, thiết bị phục vụ giảng dạy.

Kết quả phỏng vấn, quan sát một số giờ giảng cho thấy một số giảng viên trẻ còn thiếu kinh nghiệm tổ chức, quản lý lớp học, thực hiện tiết giảng tổng quan về môn học còn nặng về tổng kết, chưa sử dụng các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực của người học do đó chưa tạo được hứng thú để thu hút, lôi cuốn được người học, chưa phát huy được tính tích cực và năng lực thực hiện của người học.

2.2. Năng lực nghiên cứu khoa học

Bảng 2.4. Tỷ lệ ý kiến đánh giá năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên

TT	Năng lực nghiên cứu khoa học	Các biểu hiện (%)					Điểm TB (M)	Thứ bậc
		Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu		
1	Xác định vấn đề nghiên cứu độc lập	8,7	50,8	33,5	6,6	0,4	3,61	1
2	Tiến hành nghiên cứu độc lập	9,1	38,0	45,9	6,2	0,8	3,48	7

3	Sử dụng các phương pháp nghiên cứu	8,7	45,0	40,9	5,4	0	3,57	3
4	Thu thập và xử lý số liệu, thông tin trong nghiên cứu	7,0	47,5	40,1	5,0	0,4	3,56	4
5	Phân tích, tổng hợp, đánh giá kết quả nghiên cứu	8,7	44,6	40,9	5,8	0	3,56	4
6	Viết báo cáo và báo cáo kết quả nghiên cứu, bảo vệ chính kiến, luận điểm khoa học	12,4	40,9	40,9	5,4	0,4	3,6	2
7	Phối hợp, cộng tác, tổ chức nghiên cứu	10,3	42,6	38,0	9,1	0	3,54	6
8	Viết giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo và các bài báo khoa học	5,8	36,8	40,9	16,1	0,4	3,31	8
9	Tổ chức hội thảo khoa học, phản biện các công trình khoa học	5,4	35,1	44,2	13,6	1,7	3,29	9

Theo bảng số liệu trên, các mặt chủ yếu của năng lực NCKH của ĐNGV các trường ĐHSPTK được đánh giá ở mức khá, với điểm trung bình các tiêu chí từ 3,29 đ đến 3,61 đ. Một số tiêu chí vẫn còn những ý kiến đánh giá ở mức độ yếu: Tổ chức hội thảo khoa học, phản biện các công trình khoa học (1,7% ý kiến đánh giá yếu); tiến hành nghiên cứu độc lập (0,8%); viết giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo và các bài báo khoa học (0,4%)... Điều này cho thấy năng lực nghiên cứu khoa học của ĐNGV các trường ĐHSPTK chưa được đánh giá cao.

Kết quả năng lực nghiên cứu khoa học của ĐNGV được biểu hiện như sau:

- Số lượng đề tài NCKH của các trường ở cấp Nhà nước, cấp Bộ rất ít, chủ yếu là đề tài NCKH cấp cơ sở. Số lượng đề tài NCKH có xu hướng giảm trong thời gian gần đây, đến năm học 2014 – 2015 trường ĐHSPTK Hưng Yên là trường duy nhất có 01

đề tài Nhà nước, cả 5 trường chỉ có 9 đề tài cấp bộ.

- Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế của ĐNGV các trường ĐHSPTK còn hạn chế so với tỉ lệ GV hiện có của các trường và có xu hướng giảm trong thời gian gần đây. Số lượng GV tham gia nghiên cứu không nhiều. Đây là dấu hiệu đáng lo ngại.

Nhìn chung, qua kết quả thống kê về sản phẩm nghiên cứu khoa học của các trường cho thấy năng lực nghiên cứu khoa học của ĐNGV các trường ĐHSPTK còn hạn chế, đặc biệt là năng lực công bố, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Đây là vấn đề đáng quan tâm của các trường ĐHSPTK trong giai đoạn hiện nay. Việc phát triển năng lực nghiên cứu khoa học, ngoài việc nâng cao uy tín cá nhân và tổ chức, còn có tác động hỗ trợ đặc biệt quan trọng tới cải thiện chất lượng bài giảng. Vì vậy, việc bồi dưỡng phát triển năng lực nghiên cứu khoa học của ĐNGV là đặc biệt quan trọng.

2.3. Năng lực phát triển chương trình đào tạo của đội ngũ giảng viên

Bảng 2.5. Tỷ lệ ý kiến đánh giá năng lực phát triển chương trình đào tạo của ĐNGV

TT	Năng lực phát triển, chương trình đào tạo	Các biểu hiện (%)					Điểm TB (M)	Thứ bậc
		Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu		
1	Hiểu biết về quy trình và các phương pháp, kỹ thuật phát triển chương trình đào tạo	19,8	49,6	28,1	2,1	0,4	3,86	2
2	Xây dựng, điều chỉnh, cập nhật nội dung chương trình đào tạo để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và nghề nghiệp	20,2	47,9	28,1	3,7	0	3,85	3
3	Thiết kế và sử dụng thành thạo các công cụ đánh giá chương trình đào tạo	14,0	40,5	36,8	7,9	0,8	3,59	4
4	Thực hiện và hướng dẫn triển khai chương trình đào tạo theo đúng quy định và định hướng nghề nghiệp ứng dụng	19,8	53,3	24,0	2,9	0	3,9	1

Bảng số liệu trên cho thấy, năng lực phát triển và thực hiện chương trình đào tạo của ĐNGV ở mức độ khá, với điểm trung bình các tiêu chí từ 3,59 đ đến 3,9 đ. Trong đó, tiêu chí “Thực hiện và hướng dẫn triển khai chương trình đào tạo theo đúng quy định và định hướng nghề nghiệp ứng dụng” được đánh giá cao nhất, với điểm trung bình 3,9 đ. Tiêu

chí được đánh giá thấp nhất là việc “Thiết kế và sử dụng thành thạo các công cụ đánh giá chương trình đào tạo”. Đây cũng là vấn đề chung của các giảng viên đại học hiện nay. Điều này đòi hỏi các trường ĐHSPT cần tập trung, bồi dưỡng cho GV về kỹ năng này.

2.4. Năng lực quan hệ với doanh nghiệp của đội ngũ giảng viên

Bảng 2.6. Tỷ lệ ý kiến đánh giá năng lực quan hệ với doanh nghiệp của ĐNGV

TT	Năng lực quan hệ với doanh nghiệp của ĐNGV	Các mức độ(%)					Điểm TB (M)	Thứ bậc
		Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu		
1	Am hiểu về văn hóa và tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn	7,4	43,8	36,8	11,2	0	3,46	2
2	Thiết lập mối quan hệ với doanh nghiệp	11,2	45,9	33,5	9,1	0,4	3,58	1
3	Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện hoặc tham gia các hoạt động hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp	9,9	40,1	37,6	11,2	1,2	3,46	2

Bảng số liệu trên cho thấy, các mặt của năng lực quan hệ với doanh nghiệp của ĐNGV các trường ĐHSPT được đánh giá ở mức khá, với điểm trung bình các tiêu chí từ 3,46 đ đến 3,58 đ. Trong đó, tiêu chí “Thiết lập mối quan hệ với doanh nghiệp” được đánh giá cao nhất (3,58 đ). Nhìn chung năng lực quan hệ với doanh nghiệp của ĐNGV các trường

ĐHSPT còn chưa được đánh giá cao, cần tiếp tục phát triển trong thời gian tới, các trường cần phát triển các văn bản hợp tác với các doanh nghiệp trên địa bàn để nâng cao chất lượng đào tạo, uy tín cá nhân và tổ chức của các trường ĐHSPT trong doanh nghiệp, cộng đồng, xã hội.

2.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên

Bảng 2.7. Tỷ lệ ý kiến đánh giá năng lực phát triển nghề nghiệp của ĐNGV

TT	Năng lực phát triển nghề nghiệp	Các biểu hiện (%)					Điểm TB (M)	Thứ bậc
		Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu		
1	Khả năng tự đánh giá phát triển nghề nghiệp	14,5	64,0	19,4	2,1	0	3,91	2
2	Tự lập kế hoạch phát triển nghề nghiệp, kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ	17,4	58,7	20,2	3,7	0	3,9	3
3	Khả năng tự học, tự bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn	19,0	60,7	18,6	1,7	0	3,97	1
4	Sử dụng ngoại ngữ phục vụ hoạt động phát triển nghề nghiệp	2,1	33,5	43,4	20,2	0,8	3,16	6
5	Sử dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động phát triển nghề nghiệp	17,8	55,0	23,6	3,7	0	3,87	4
6	Khả năng tư vấn, giúp đỡ, hỗ trợ đồng nghiệp trong phát triển nghề nghiệp	17,4	48,3	28,5	5,8	0	3,77	5

Năng lực phát triển nghề nghiệp của ĐNGV là cơ sở khẳng định tiềm lực cao của ĐNGV, là tiền đề cho sự vươn lên của đội ngũ trong tương lai.

Bảng số liệu trên cho thấy, các mặt biểu hiện năng lực phát triển nghề nghiệp của ĐNGV ở mức độ khá, với điểm trung bình các tiêu chí từ 3,16 đ đến

3,97 đ. Trong đó, các tiêu chí được đánh giá cao hơn là: Khả năng tự học, tự bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn (3,97 đ); khả năng tự đánh giá phát triển nghề nghiệp (3,91 đ); tự lập kế hoạch phát triển nghề nghiệp, kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ (3,9 đ). Tiêu chí được đánh giá yếu nhất của ĐNGV về năng lực phát triển nghề nghiệp là việc “Sử dụng ngoại ngữ phục vụ hoạt động phát triển nghề nghiệp” (3,16 đ). Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với việc thống kê trình độ ngoại ngữ của ĐNGV. Do đó, các trường cần tập trung phát triển trình độ ngoại ngữ của đội ngũ giảng viên. Hiện nay các trường ĐHSPKT ở nước ta đánh giá năng lực của GV theo tiêu chí riêng của mỗi trường, chưa có khung năng lực đối với GV các trường ĐHSPKT.

3. Kết luận

Năng lực của ĐNGV được đánh giá ở mức khá và dần dần được nâng cao, cơ bản đáp ứng được

nhu cầu giảng dạy, NCKH. Tuy nhiên vẫn còn hạn chế, yếu kém cần phải có giải pháp khắc phục kịp thời. Nhiều GV chưa tiếp cận được các phương pháp dạy học hiện đại, thiếu kiến thức thực tiễn, năng lực của một số GV chưa đáp ứng được yêu cầu. Trong khi đó thực trạng công tác phát triển ĐNGV các trường ĐHSPKT còn nhiều bất cập: chưa có quy định về khung năng lực nghề nghiệp cụ thể của ĐNGV các trường ĐHSPKT. Một số GV chưa được bố trí đúng năng lực, thiếu ĐNGV có trình độ cao; hoạt động đánh giá GV thực hiện chưa có hiệu quả. Để thực hiện phát triển ĐNGV các trường ĐHSPKT theo năng lực, cần có bộ tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên ĐHSPKT; cần phải chuyên hóa tiêu chuẩn năng lực giảng viên ĐHSPKT vào trong tất cả các chức năng và thành phần chính của hoạt động quản lý, tạo động lực cho ĐNGV phát triển, chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo Nghị quyết Đại hội XII của Đảng.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Đặng Quốc Bảo, Đỗ Quốc Anh, Đinh Thị Kim Thoa (2007), *Cẩm nang nâng cao năng lực và phẩm chất đội ngũ giáo viên*, NXB Lý luận chính trị Hà Nội.
- [2]. Trần Khánh Đức (2014), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3]. Phạm Minh Hạc (2001), *Tâm lý học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [4]. Trần Bá Hoàn (2006), *Vấn đề giáo viên - Những nghiên cứu lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học Sư phạm.
- [5]. Vũ Xuân Hùng (2012), *Dạy học hiện đại và nâng cao năng lực dạy học cho giáo viên*, NXB Lao động - xã hội.
- [6]. Tổng cục Dạy nghề (2010), *Tài liệu hướng dẫn khóa bồi dưỡng kỹ năng dạy nghề theo năng lực*, Hà Nội.

THE REALITY RELATING TO COMPETENCIES OF TEACHING STAFF IN UNIVERSITIES OF TECHNICAL EDUCATION

Abstract:

In the national education, universities of technical education (UTE) have been developing toward the international integration, the teaching staff have been regarded as a key factor by universities because they play an important role, to ensure the quality of training as technical human resources to satisfy social demands. This article highlights the reality of competencies of teaching staff in universities of technical education, it then proposes various suggestions to develop those competencies.

Keywords: *competency, teaching staff, UTE.*